

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VIỆT YÊN
TỈNH BẮC GIANG**

Bản án số: 37/2019/HS-ST

Ngày 22/5/2019

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VIỆT YÊN, TỈNH BẮC GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Hợp.

Các hội thẩm nhân dân:

1-Ông Nguyễn Ngọc Vân - Giáo viên nghỉ hưu.

2-Bà Nguyễn Thị Lại- Chủ tịch Hội phụ nữ xã nghỉ hưu.

-Thư ký phiên tòa: Bà Chu Thị Minh Nguyệt- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Vi Đức Thứ- Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 35/2019/TLST-HS ngày 22/ 4/ 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2019 /QĐXXST-HS ngày 07/5/2019, đối với bị cáo:

Nguyễn Văn H, sinh ngày 16/ 02/ 2001.

Trú tại: Thôn M, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn C (đã chết); con bà: Vũ Thị N, sinh năm 1968; vợ, con: Chưa có.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Bản án số 34/2019/HS-ST ngày 06/3/2019 Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bắc Giang xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Bị cáo đang phải chấp hành bản án số: 34/2019/HS-ST ngày 06/3/2019 Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang, được trích xuất, có mặt tại phiên tòa.

-Bị hại: Ông Thân Mạnh T, sinh năm 1970. Có mặt.

Địa chỉ: Thôn H, xã H, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

-Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1- Nguyễn Văn K, sinh năm 1996. Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn C, xã N, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

2- Nguyễn Văn T, sinh năm 1975. Có mặt.

Địa chỉ: Xóm L, xã N, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn H, sinh ngày 16/02/2001, trú tại: thôn M, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang và anh Lê Văn T, sinh năm 1997 trú tại thôn H, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang là bạn bè quen biết nhau từ trước.

Ngày 06/4/2018, H đến phòng trọ của anh T hiện đang thuê ở khu nhà trọ của gia đình anh Thân Mạnh T, sinh năm 1970 ở thôn H, xã H, huyện V, tỉnh Bắc Giang chơi và xin ở trọ cùng. Khoảng 8 giờ ngày 10/4/2018, H đã nảy sinh ý định lừa lấy chiếc xe mô tô của anh T đem đi cầm cố hoặc bán lấy tiền ăn tiêu cá nhân. Để thực hiện ý định, H đi xuống sân nhà trọ thì thấy cổng khóa nên đã nhờ anh Thân Mạnh V, sinh năm 1975 (Anh V là em trai anh T) gọi điện cho anh T về mở cổng để H đi ra ngoài. Đến khoảng 11 giờ cùng ngày, anh T đi xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX, BKS 98B3- 069.45 về đến nhà. Khi anh T đang mở cổng thì H đứng ở trong sân nhà trọ nói “ Chú cho cháu mượn xe ra ngoài đón bạn một tý ”. Do biết H là người ở trọ nên anh T tin tưởng và đồng ý cho H mượn xe. Sau khi được anh T đồng ý, H đi đến vị trí dựng chiếc xe mở khóa điện, nổ máy, điều khiển xe đi theo đường Quốc lộ 1A cũ, hướng đi lên thành phố Bắc Giang. Khi đi đến khu vực ngã tư Đ, thành phố B, H dừng xe và mở cốp xe ra kiểm tra thì thấy bên trong có 01 (một) giấy đăng ký xe mô tô mang tên Thân Mạnh V và một số giấy tờ cá nhân khác nên đã giữ lại giấy đăng ký xe, còn những giấy tờ khác H đã vứt xuống ruộng nước ở gần đó. Sau đó, H tiếp tục điều khiển xe mô tô đi đến một quán internet ở xã N, huyện T, tỉnh Bắc Giang. Tại đây, H gặp bạn là anh Nguyễn Văn K, sinh năm 1996 trú tại thôn C, xã N, huyện T, tỉnh Bắc Giang nên đã nhờ anh K tìm nơi cầm hộ chiếc xe. Anh K đồng ý và đưa H đến gặp anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1975 trú tại xóm L, xã N, huyện T, tỉnh Bắc Giang tại Làng Đ, xã N, huyện T, tỉnh Bắc Giang. Tại đây, H nói dối anh T là xe của gia đình mình và đặt vấn đề cầm xe cho anh T. Sau khi được H đặt vấn đề, anh T xem xe, giấy tờ và đồng ý nhận cầm chiếc xe với số tiền là 9.500.000 đồng, anh T đưa trước cho H số tiền 4.000.000 đồng và giữ lại xe, số tiền còn lại anh T hẹn thanh toán cho H vào buổi chiều cùng ngày. Đến khoảng 19 giờ cùng ngày, H nhờ anh K đưa đến nhà anh T để lấy nốt số tiền còn lại. Tại đây, H dùng tên giả là Dương Minh P, sinh ngày 16/02/2000 ở số nhà 37, Làn 2, đường H, thành phố B để

viết giấy bán xe cho anh T với số tiền 9.500.000 đồng. Sau đó, H giao đăng ký xe và được anh T đưa cho số tiền 4.000.000 đồng, số tiền còn lại theo thỏa thuận anh T chưa thanh toán. Lấy được tiền, H đã đưa cho anh K 100.000 đồng nhờ trả hộ tiền chơi điện tử H nợ trước đó, số tiền còn lại sử dụng ăn tiêu cá nhân, không chia cho ai. Đến ngày 15/4/2018, H đến nhà anh T đặt vấn đề chuộc xe để bán lại cho người khác với giá cao hơn thì anh T thỏa thuận mua chiếc xe của H với giá 12.000.000 đồng. H đồng ý và tiếp tục dùng tên giả là Dương Minh P, sinh ngày 16/02/2000 ở số nhà 37, Làn 2, đường H, thành phố B để viết giấy bán xe cho anh T. Sau khi viết giấy bán xe, H được anh T đưa thêm số tiền 2.500.000 đồng, số tiền còn lại theo thỏa thuận anh T chưa thanh toán. Toàn bộ số tiền có được từ việc cầm, bán chiếc xe mô tô lừa đảo của anh T, H đã chi tiêu cá nhân hết.

Sau khi mua xe, anh T quản lý sử dụng thì bị đối tượng Đỗ Huy T, sinh năm 1972, trú tại: Tổ dân phố H, phường Đ, thành phố B đập phá gây hư hỏng. Ngày 24/8/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra- Công an thành phố Bắc Giang tạm giữ chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX, BKS 98B3-069.45 làm căn cứ giải quyết. Ngày 29/12/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra- Công an thành phố Bắc Giang chuyển giao chiếc xe 98B3-069.45 cho Cơ quan Cảnh sát điều tra- Công an huyện V giải quyết theo quy định.

Ngày 05/12/2018, sau nhiều lần gọi điện cho Hội để đòi xe mô tô nhưng không được, anh Tuyển đã có đơn trình báo gửi Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện Việt Yên.

Ngày 15/01/2019, Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện V đã tiến hành định giá và kết luận: Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX, biển kiểm soát 98B3-069.45 có giá trị là 17.000.000 đồng.

Ngày 11/3/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện V đã ra Quyết định trưng cầu giám định số 94 gửi Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bắc Giang, giám định chữ viết và chữ ký của Nguyễn Văn H. Ngày 15/3/2019, Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bắc Giang, có Kết luận giám định số 316, kết luận: “ Chữ ký, chữ viết Dương Minh P trên các tài liệu cần giám định (ký hiệu A1, A2 – trừ các chữ ký, chữ viết tại mục : người làm chứng”) so với chữ viết của Nguyễn Văn H trên các tài liệu mẫu (ký hiệu từ M1 đến M4) là do cùng một người viết ra”.

Bản Cáo trạng số 32/CT-VKS-VY ngày 19/4/2019 của VKSND huyện V, tỉnh Bắc Giang đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn H phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 – BLHS.

Tại phiên tòa bị cáo khai báo thành khẩn toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản cáo trạng đã truy tố, bị cáo thấy được tội lỗi của mình và không có đề nghị gì.

Tại phiên tòa người bị hại là ông Thân Mạnh T không yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền đã bỏ ra sửa chữa xe máy.

Tại phiên tòa anh Nguyễn Văn T yêu cầu bị cáo Nguyễn Văn H phải bồi thường cho anh số tiền 10.500.000đồng.

Đại diện Viện kiểm sát sau khi phân tích tính chất của vụ án và giữ nguyên quan điểm truy tố của bản cáo trạng, đồng thời phân tích các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và đề nghị HĐXX tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn H phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Căn cứ khoản 1 Điều 174; điểm s, i khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 101, Điều 38 - BLHS; xử phạt Nguyễn Văn H từ 07 đến 09 tháng tù.

Căn cứ Điều 56, Điều 104- BLHS năm 2015, tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Nguyễn Văn H phải chấp hành chung của hai bản án từ 13 đến 15 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Không áp dụng hình phạt bổ sung phạt tiền đối với bị cáo.

Trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 – BLHS, các Điều 584, 585, 589 – Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn H phải bồi thường cho anh Nguyễn Văn T số tiền 10.500.000đồng (*Mười triệu năm trăm ngàn đồng*).

Án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Việt Yên; Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, Quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện phù hợp với quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hôm nay là thành khẩn, phù hợp với lời khai của bị cáo tại giai đoạn điều tra và các tài liệu chứng cứ khác mà Cơ quan điều tra đã thu thập được thể hiện trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 11 giờ ngày 10/4/2018, tại khu nhà trọ của gia đình ông Thân Mạnh T, sinh năm 1970, ở thôn H 2, xã H, huyện V, tỉnh Bắc Giang, Nguyễn Văn H đã có hành vi lừa đảo chiếm đoạt 01 xe mô tô biển kiểm soát 98B3- 069.45, trị giá

17.000.000 đồng của anh T đem bán cho anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1975 trú tại xóm L 1, xã N, huyện T, tỉnh Bắc Giang với giá 12.000.000 đồng. Anh T đã thanh toán cho H số tiền 10.500.000 đồng, số tiền này H sử dụng chi tiêu cá nhân hết. Bản cáo trạng số 32/CT- VKSVY ngày 19/4/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện V truy tố bị cáo Nguyễn Văn H phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 – Bộ luật hình sự là hoàn toàn có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất vụ án thấy: Trong vụ án này có một mình bị cáo thực hiện tội phạm với lỗi cố ý trực tiếp. Bị cáo đã dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản của người bị hại 01 chiếc xe mô tô có giá trị 17.000.000đồng. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của người khác đ-ợc pháp luật bảo vệ, đồng thời gây mất trật tự trị an tại địa phương. Vì vậy, phải có mức hình phạt tù t-ơng xứng với hành vi của bị cáo đã gây ra, cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Trong vụ án này bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nhưng có nhân thân xấu, ngày 06/3/2019 bị Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, bản án đã có hiệu lực pháp luật. Do đó cần phải áp dụng Điều 56, Điều 104- BLHS để tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Nguyễn Văn H phải chấp hành chung của hai bản án là có căn cứ.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s, i khoản 1 Điều 51 – BLHS, ngoài ra khi phạm tội bị cáo chưa đủ 18 tuổi nên cần áp dụng khoản 1 Điều 101- BLHS để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo theo quy định của pháp luật là có căn cứ.

[6] Về hình phạt bổ sung: Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định, vì vậy không áp dụng hình phạt bổ sung phạt tiền đối với bị cáo là phù hợp pháp luật.

Trong vụ án này, anh Nguyễn Văn K là người giới thiệu cho H nơi cấm xe; anh Nguyễn Văn T là người nhận cấm, sau đó mua chiếc xe là tài sản do H phạm tội đem cấm nhưng cả anh K và anh T đều không biết chiếc xe là tài sản do H phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý xét thấy là phù hợp pháp luật.

[7] Về vật chứng của vụ án: Sau khi vụ án được làm rõ, ngày 12/3/2019, Cơ quan điều tra đã trả lại ông Thân Mạnh T 01 chiếc xe mô tô BKS 98B3-069.45 cùng giấy đăng ký xe mang tên Thân Mạnh V xét thấy là phù hợp.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa ông Thân Mạnh T không yêu cầu bị cáo bồi thường nên HĐXX không xem xét.

Anh Nguyễn Văn T yêu cầu bị cáo trả lại số tiền mua xe là 10.500.000 đồng. Xét yêu cầu của anh T là có căn cứ, cần buộc bị cáo phải bồi thường cho anh T là phù hợp pháp luật.

[9] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

(1) Căn cứ khoản 1 Điều 174, điểm s, i khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 101, Điều 38 – Bộ luật hình sự.

(2) Xử phạt: Nguyễn Văn H 08 (Tám) tháng tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Căn cứ Điều 56, Điều 104 – Bộ luật hình sự, tổng hợp với hình phạt 06 (sáu) tháng tù của bản án số: 34/2019/HS-ST ngày 06/3/2019 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bắc Giang. Buộc bị cáo Nguyễn Văn H phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 14 (Mười bốn) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

(3) Trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 – BLHS, các Điều 584, 585, 589 – Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn H phải bồi thường cho anh Nguyễn Văn T số tiền 10.500.000đồng (*Mười triệu năm trăm ngàn đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468- Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

(4) Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 – BLTTHS năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí. Buộc Nguyễn Văn H

phải nộp 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 500.000đ (*Năm trăm ngàn đồng*) tiền án phí DSST.

(5) Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, 333, 334- BLTTHS.

Báo cho bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Bắc Giang
- VKSND tỉnh Bắc Giang
- VKSND huyện Việt Yên
- THADS huyện Việt Yên.
- Bị cáo.
- L- u

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Vũ Văn Hợp